

Bản án số: 144/2024/DS-ST

Ngày: 30 – 11 – 2024

*V/v tranh chấp chia di sản thừa kế*

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trí** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Huỳnh Diệu T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*

*Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*

*Bà Ngô Kim H, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Cháu Nguyễn Huỳnh Hạo N, sinh năm 2008 và cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1, sinh năm 2016; Cùng địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*

*Người đại diện hợp pháp của cháu Hạo N và cháu Phương N1: Bà Huỳnh Diệu T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*

*(Bà T có đơn xin vắng mặt; Ông B, bà H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Diệu T trình bày:*

Ông Nguyễn Hoàng A là chồng của bà Huỳnh Diệu T, ông A chết vào ngày 16/02/2023. Ông A chết không để lại di chúc. Ông A và bà T có hai người con chung là Nguyễn Huỳnh Phương N1 và Nguyễn Huỳnh Hạo N. Cha mẹ ruột ông A là ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Kim H. Ông A không có con nuôi, con riêng và cũng không có cha mẹ nuôi.

Ông A chết có để lại di sản gồm 06 phần đất, nhưng bà T chỉ yêu cầu phần đất diện tích 199,1m<sup>2</sup>, đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 50, tọa lạc ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Diệu T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất không có công trình hay cây trồng gì khác.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất nêu trên cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà T, ông B, bà H, cháu Hạo N và cháu Phương N1. Bà T có nguyện vọng nhận hiện vật, bà T đồng ý hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Kim H đã được Tòa án cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông B, bà H không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

*\* Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1 và Nguyễn Huỳnh Hạo N là bà Huỳnh Diệu T trình bày: Cháu Phương N1 và cháu Hạo N thống nhất với yêu cầu của bà T, không có yêu cầu gì khác.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà T. Di sản của ông A là 1/2 giá trị của phần đất nuôi trồng thủy sản, có diện tích là 199,1m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 50, có giá trị là 60.000.000 đồng. Mỗi đồng thừa kế được hưởng kỷ phần thừa kế với số tiền 12.000.000 đồng.

Tổng tài sản bà T được hưởng là 72.000.000 đồng (Trong đó, số tiền chia tài sản chung được hưởng là 60.000.000 đồng, số tiền chia thừa kế được hưởng là 12.000.000 đồng).

+ Chia cho bà Huỳnh Diệu T được hưởng toàn bộ phần đất có diện tích là 199,1m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 657958, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/02/2022, cho bà T với ông A. Tổng tài sản bà T được hưởng có giá trị 120.000.000 đồng. Bà T có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

+ Chia cho ông Nguyễn Văn B được hưởng thừa kế số tiền 12.000.000 đồng. Buộc bà T có nghĩa vụ giao lại cho ông B số tiền 12.000.000 đồng.

+ Chia cho bà Ngô Kim H được hưởng thừa kế số tiền 12.000.000 đồng. Buộc bà T có nghĩa vụ giao lại cho bà H số tiền 12.000.000 đồng.

+ Chia cho cháu Nguyễn Huỳnh Hạo N được hưởng thừa kế số tiền 12.000.000 đồng. Buộc bà T có nghĩa vụ giao lại cho cháu H1 Nam số tiền 12.000.000 đồng.

+ Chia cho cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1 được hưởng thừa kế số tiền 12.000.000 đồng. Buộc bà T có nghĩa vụ giao lại cho cháu Phương N1 số tiền 12.000.000 đồng.

Đối với kỹ phần thừa kế của cháu Hạo N và cháu Phương N1: Hiện tại, cháu Hạo N, cháu Phương N1 chưa thành niên, bà T là người đại diện theo pháp luật của cháu Hạo N và cháu Phương N1. Do đó, tạm giao cho bà T nhận thay kỹ phần thừa kế của cháu Hạo N và cháu Phương N1.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân bà T, bà T được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai theo quy định của pháp luật.

- Chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với ông B, bà H. Ông B, bà H đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bà T có đơn xin vắng mặt, ông B và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 199,1m<sup>2</sup>, đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Diệu T

đứng tên. Bà T xác định nguồn gốc tài sản là của ông A và bà T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, ông A chết không có di chúc nên bà T yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông A gồm bà T, ông B, bà H, cháu Phương N1 và cháu Hạo N. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức giữ gìn tôn tạo đất, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Ông A chết vào ngày 16/02/2023, bà T khởi kiện ngày 07/6/2024. Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015, vẫn còn thời hiệu yêu cầu chia thừa kế di sản của ông A để lại.

[5] Xét về hàng thừa kế của ông Nguyễn Hoàng A: Ông A và bà T có hai người con chung là Nguyễn Huỳnh Phương N1 và Nguyễn Huỳnh Hạo N. Cha mẹ ruột của ông A là ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Kim H, ông A không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi, con riêng và không ai tranh chấp về hàng thừa kế. Vì vậy, căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của ông A gồm bà T, ông B, bà H, cháu Phương N1 và cháu Hạo N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[6] Về nghĩa vụ do người chết để lại: Ông A không có nghĩa vụ phải thực hiện trước khi chết. Do đó, trong vụ án này không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xác định di sản thừa kế: Theo bà T xác định, trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà T với ông A có tạo lập được tài sản chung gồm có 06 phần đất. Tuy nhiên, trong vụ án này, bà T chỉ yêu cầu chia thừa kế di sản của ông A để lại là phần đất nuôi trồng thủy sản, có diện tích là 199,1m<sup>2</sup>. Đối với 05 phần đất còn lại, bà T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7.1] Xét thấy, phần đất bà T đang yêu cầu chia thừa kế là tài sản chung của ông A với bà T trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà T và ông A, mỗi người được chia 1/2 giá trị phần đất nêu trên. Do đó, di sản của ông A để lại được yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này là 1/2 giá trị phần đất nuôi trồng thủy sản, có diện tích là 199,1m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 657958, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/02/2022 cho bà T với ông A.

[7.2] Về giá trị của di sản: Di sản giải quyết trong vụ án có giá thị trường là 120.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông B, bà H đã được thông báo về giá đất nhưng không có ý kiến phản đối. Từ đó, có căn cứ xác định giá toàn bộ thửa đất nêu trên, theo giá của bà T đưa ra là 120.000.000 đồng.

[8] Về việc phân chia di sản: Bà T yêu cầu chia kỹ phần cho 05 người, thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông A, gồm có: Bà T, ông B, bà H, cháu Hạo N và cháu Phương N1, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận. Di sản thừa kế của ông A có tổng giá trị là 60.000.000 đồng, chia cho mỗi đồng thừa kế được hưởng một kỹ phần thừa kế có giá trị là 12.000.000 đồng.

Xét thấy, phần đất thừa kế là đất nuôi trồng thủy sản, nếu chia hiện vật sẽ không đảm bảo việc canh tác. Đồng thời, toàn bộ phần đất này hiện tại do bà T đang quản lý, sử dụng. Do đó, để đảm bảo cho việc canh tác đất, nên tiếp tục giao toàn bộ phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 199,1m<sup>2</sup> cho bà T quản lý, sử dụng, bà T có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế còn lại, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Phạm Văn A, có số đo 39,16m.

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Thanh T1, có số đo 39,16m.

Hướng Nam giáp đường B, có số đo 5m.

Hướng Bắc giáp đất ông Đào Việt C, có số đo 5m.

Tổng tài sản bà T được hưởng là 72.000.000 đồng (Trong đó, số tiền chia tài sản chung được hưởng là 60.000.000 đồng, số tiền chia thừa kế được hưởng là 12.000.000 đồng).

Buộc bà T có nghĩa vụ giao lại cho ông B, bà H, cháu Phương N1 và cháu Hạo N mỗi người số tiền 12.000.000 đồng.

Đối với kỹ phần thừa kế của cháu Hạo N và cháu Phương N1: Hiện tại, cháu Hạo N, cháu Phương N1 chưa thành niên, bà T là người đại diện theo pháp luật của cháu Hạo N và cháu Phương N1. Do đó, tạm giao cho bà T quản lý kỹ phần thừa kế của cháu Hạo N và cháu Phương N1.

Bà Huỳnh Diệu T được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

[9] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp số tiền 4.230.522 đồng. Bà Huỳnh Diệu T phải chịu 2.538.313 đồng. Ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Kim H, cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1, cháu Nguyễn Huỳnh Hạo N mỗi người phải chịu 423.052 đồng. Bà T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định cho cháu Phương N1 và cháu Hạo N số tiền 846.104 đồng. Xét thấy, việc bà T chịu chi phí tố tụng cho cháu Phương N1 và H là tự nguyện nên được chấp nhận, tổng số tiền bà T phải chịu 3.384.417 đồng. Bà T đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 4.500.000 đồng theo Phiếu thu số 134/2024/TB-TĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Phiếu thu số 158/2024/TB-TĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024. Bà Huỳnh Diệu T đã nhận lại đủ số tiền 269.479 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Kim H mỗi người phải hoàn trả cho bà T số tiền 423.052 đồng.

[11] Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.600.000 đồng. Buộc ông B, bà H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 600.000 đồng. Buộc cháu Nguyễn Huỳnh Hạo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 600.000 đồng. Cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1 thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

Bà Huỳnh Diệu T tự nguyện nộp án phí cho cháu H1 Nam số tiền 600.000 đồng. Bà Huỳnh Diệu T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006905 ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí 300.000 đồng bà T còn phải nộp thêm số tiền 3.900.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 468, Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Diệu T về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Kim H.

2. Tiếp tục giao cho bà Huỳnh Diệu T được quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất có diện tích là 199,1m<sup>2</sup>, đất nuôi trồng thủy sản, thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 657958, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/02/2022, cho bà T với ông A, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Phạm Văn A, có số đo 39,16m.

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Thanh T1, có số đo 39,16m.

Hướng Nam giáp đường B, có số đo 5m.

Hướng Bắc giáp đất ông Đào Việt C, có số đo 5m.

Bà Huỳnh Diệu T được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

Tổng giá trị tài sản bà Huỳnh Diệu T được hưởng là 72.000.000 đồng (Trong đó, số tiền chia tài sản chung được hưởng là 60.000.000 đồng, số tiền chia thừa kế được hưởng là 12.000.000 đồng).

3. Buộc bà Huỳnh Diệu T có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Kim H mỗi người số tiền 12.000.000 đồng.

4. Buộc bà T có nghĩa vụ giao lại cho cháu Phương N1 số tiền 12.000.000 đồng và cháu Hạo N số tiền 12.000.000 đồng.

Tạm giao cho bà Huỳnh Diệu T quản lý phần thừa kế của cháu Nguyễn Huỳnh Hạo N và cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1 mỗi cháu 12.000.000 đồng.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp số tiền 4.230.522 đồng. Bà Huỳnh Diệu T phải chịu 2.538.313 đồng. Ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Kim H, cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1, cháu Nguyễn Huỳnh Hạo N mỗi người phải chịu 423.052 đồng.

Bà T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định cho cháu Phương N1 và cháu Hạo N số tiền 846.104 đồng. Buộc bà T phải chịu tổng số tiền là 3.384.417 đồng. Bà T đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 4.500.000 đồng theo Phiếu thu số 134/2024/TB-TĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Phiếu thu số 158/2024/TB-TĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024. Bà Huỳnh Diệu T đã nhận lại đủ số tiền 269.479 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Ngô Kim H mỗi người phải hoàn trả cho bà T số tiền 423.052 đồng.

7. Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.600.000 đồng. Buộc ông B, bà H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 600.000 đồng. Buộc cháu Nguyễn Huỳnh Hạo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 600.000 đồng. Cháu Nguyễn Huỳnh Phương N1 không phải chịu án phí.

Bà Huỳnh Diệu T tự nguyện nộp án phí cho cháu H1 Nam số tiền 600.000 đồng. Bà Huỳnh Diệu T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006905 ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển thu án phí 300.000 đồng bà T còn phải nộp thêm số tiền 3.900.000 đồng.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Đẹp**